

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Điều hành	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021	11 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 30/11/2016.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2021: 324.054.150.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Điện thoại : (+84) 234 – 3 891 841

Fax: : (+84) 234 – 3 891 838

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Bá Hòa	Chủ tịch	08/05/2020	
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	17/12/2020	
Ông Trần Văn Phong	Thành viên	08/05/2020	
Bà Hồ Hoàng Thi	Thành viên	08/05/2020	
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	17/08/2020	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Tuấn Anh	Trưởng ban	08/05/2020	
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	08/05/2020	
Bà Lê Thị Hoàng Diệu	Thành viên	08/05/2020	

4.3. Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	05/11/2020	
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	12/06/2020	
Ông Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc	27/03/2020	
Bà Hồ Hoàng Thi	Phó Tổng Giám đốc	12/06/2020	
Ông Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	12/06/2020	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Văn Toàn, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, tái bổ nhiệm ngày 05/11/2020.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 36.

7. Sự kiện sau ngày kết kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021

trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



HUỶNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 08 năm 2021



Số: 34/2021/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 08 năm 2021, từ trang 7 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021 theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES**



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		114.925.825.959	110.722.456.394
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	67.011.191.410	67.093.516.368
111	1. Tiền		10.011.191.410	19.093.516.368
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.000.000.000	48.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.400.548.081	22.305.878.718
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	16.967.229.376	10.052.355.692
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.788.673.361	876.508.525
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	1.500.000.000	1.500.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	13.409.427.903	13.141.797.060
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(3.264.782.559)	(3.264.782.559)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		3.252.227.866	3.456.933.147
141	1. Hàng tồn kho	V.7	3.252.227.866	3.456.933.147
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.261.858.602	17.866.128.161
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	313.646.586	225.993.394
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		13.946.206.453	17.624.167.570
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	2.005.563	15.967.197
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		578.420.275.657	578.961.549.379
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		256.898.717.261	268.824.420.953
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	256.879.338.352	268.793.856.203
222	- Nguyên giá		677.770.092.329	677.670.058.944
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(420.890.753.977)	(408.876.202.741)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	19.378.909	30.564.750
228	- Nguyên giá		184.609.600	184.609.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(165.230.691)	(154.044.850)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		316.647.234.534	304.990.632.808
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	316.647.234.534	304.990.632.808
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.874.323.862	5.146.495.618
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	4.874.323.862	5.146.495.618
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		693.346.101.616	689.684.005.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		335.657.206.018	329.143.617.379
310	I. Nợ ngắn hạn		85.608.231.839	75.249.328.037
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	5.537.668.863	7.337.781.350
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13a	213.721.078	134.105.061
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1.725.372.547	466.449.042
314	4. Phải trả người lao động	V.15	4.505.178.388	10.962.610.171
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	3.321.966.540	2.685.560.460
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	238.764.572	497.699.989
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	52.233.678.921	44.463.900.583
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	11.000.000.000	7.154.684.837
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.20	4.250.000.000	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.581.880.930	1.546.536.544
330	II. Nợ dài hạn		250.048.974.179	253.894.289.342
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.13b	67.872.483.570	67.872.483.570
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	4. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	182.176.490.609	186.021.805.772
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		357.688.895.598	360.540.388.394
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	357.688.895.598	360.540.388.394
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	324.054.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	324.054.150.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		26.889.105.927	22.776.049.155
421	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.745.639.671	13.710.189.239
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.745.639.671	13.710.189.239
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		693.346.101.616	689.684.005.773

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 8 năm 2021



Tổng Giám Đốc

HUYNH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	88.086.643.025	70.462.069.529
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.086.643.025	70.462.069.529
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	65.029.467.163	49.215.925.947
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.057.175.862	21.246.143.582
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	755.652.165	903.293.009
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.609.083	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	902.455.562	764.365.131
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	14.462.411.297	13.668.378.669
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.443.352.085	7.716.692.791
31	11. Thu nhập khác	VI.7	7.174.884	6.106.075
32	12. Chi phí khác	VI.8	425.437	11.155.510
40	13. Lợi nhuận khác		6.749.447	(5.049.435)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.450.101.532	7.711.643.356
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	1.704.461.861	1.082.984.721
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.745.639.671	6.628.658.635
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	183	180
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	183	180

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám Đốc



HUY NH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.450.101.532	7.711.643.356
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10, 11	12.019.118.894	12.121.649.711
03	- Các khoản dự phòng	V.20	4.250.000.000	3.050.195.182
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.609.083	(1.090.276)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(755.652.165)	(902.202.733)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.968.177.344	21.980.195.240
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.148.104.146)	13.668.643.721
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		204.705.281	709.326.159
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(7.838.122.541)	(8.324.232.137)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		184.518.564	1.709.022.160
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(466.449.042)	(2.439.732.639)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.021.184.000)	(489.888.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.883.541.460	26.813.334.504
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác		(11.726.767.034)	(27.347.387.217)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác		-	5.838.851.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		765.509.699	963.196.054
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.961.257.335)	(20.545.340.163)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(77.715.875)	6.267.994.341
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		67.093.516.368	69.186.448.041
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		(4.609.083)	1.090.276
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	67.011.191.410	75.455.532.658

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng




BÙI THỊ NGỌC LINH

NGÔ KHÁNH TOÀN



Tổng Giám Đốc

HUY NH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng vì đại dịch COVID-19. Cụ thể, thu nhập từ hoạt động đón tàu du lịch từ năm 2019 đến nay vẫn chưa thể khôi phục do chính sách hạn chế nhập cảnh để ứng phó với đại dịch.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... nào khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2021.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. XN Xếp dỡ Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, X. Lộc Vĩnh, H. Phú Lộc, T. Thừa Thiên Huế
2. XN Cơ giới Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, X. Lộc Vĩnh, H. Phú Lộc, T. Thừa Thiên Huế
3. XN Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, X. Lộc Vĩnh, H. Phú Lộc, T. Thừa Thiên Huế
4. Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế	Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, P. Phú Nhuận, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có 307 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 283 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHẤN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẮNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã L.ộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHẤN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 12

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê mặt bằng, bãi chứa.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, kho an tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÁY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá xăng dầu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tại cảng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	474.953.869	35.008.771
Tiền gửi ngân hàng	9.536.237.541	19.058.507.597
Các khoản tương đương tiền - TGKH < 3 tháng	57.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	<u><u>67.011.191.410</u></u>	<u><u>67.093.516.368</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	16.967.229.376	10.052.355.692
- Công ty TNHH SHAIYO AA Việt Nam	3.185.055.639	-
- Công ty TNHH Chế Biến Gỗ Xuất Khẩu Phúc Thịnh	2.185.908.127	39.108.789
- Công ty TNHH Liên doanh nguyên liệu giấy Huế	1.810.389.406	-
- Công ty TNHH Cung ứng Vật Tư Đồng Lâm	602.826.542	1.988.501.764
- Công ty CP vận tải Hùng Đạt	210.320.539	1.413.166.878
- Các khách hàng khác	8.972.729.123	6.611.578.261
Cộng	<u>16.967.229.376</u>	<u>10.052.355.692</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.788.673.361	876.508.525
- Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam	502.500.000	502.500.000
- Công ty CP Tư vấn và xây dựng Thịnh Long	258.462.085	258.462.085
- CN Công ty CP TVXD Công trình Hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	227.259.450	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật cơ điện AK	212.052.000	-
- Các nhà cung cấp khác	588.399.826	115.546.440
Cộng	<u>1.788.673.361</u>	<u>876.508.525</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu cho vay với các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng	<u>1.500.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>

Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2008 ngày 22/11/2008 số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 12%/ năm, thời hạn vay là 3 tháng và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 02/2009 ngày 13/05/2009 số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.853.662.936	513.918.664	2.095.839.976	513.918.664
- BQL Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	951.347.248	-	951.347.248	-
- Phải thu tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất	-	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	513.918.664	513.918.664	513.918.664	513.918.664
- Công ty TNHH Du lịch Hoa Ti gôn	5.520.000	-	146.475.000	-
- Phải thu CBCNV về thuế TNCN	270.877.378	-	375.283.448	-
- Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng	97.978.082	-	107.835.616	-
- Các đối tượng phải thu khác	14.021.564	-	980.000	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	1.059.374.752	-	549.816.197	-
<i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	10.496.390.215	-	10.496.140.887	-
- BQL khu kinh tế công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	10.224.850.000	-	10.224.850.000	-
- Ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế	251.540.215	-	251.290.887	-
- Ký quỹ thuê văn phòng	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	13.409.427.903	513.918.664	13.141.797.060	513.918.664

(*) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02 - Cảng chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ – KKTCN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	3.264.782.559	-	-	3.264.782.559	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	>3 năm	2.171.369.272	-	>3 năm	2.171.369.272	-
- Công ty TNHH Sơn Tùng	>3 năm	627.329.522	-	>3 năm	627.329.522	-
- Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt	>3 năm	154.849.350	-	>3 năm	154.849.350	-
- Công ty cổ phần nhựa đường Minh Đạt	>3 năm	144.750.000	-	>3 năm	144.750.000	-
- Công ty TNHH Khai thác Than Đông Bắc	>3 năm	83.858.340	-	>3 năm	83.858.340	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Bảo	>3 năm	60.000.000	-	>3 năm	60.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hồng Kim	>3 năm	17.753.300	-	>3 năm	17.753.300	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	>3 năm	3.736.256	-	>3 năm	3.736.256	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành	>3 năm	1.136.519	-	>3 năm	1.136.519	-
Cộng	-	3.264.782.559	-	-	3.264.782.559	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.396.797.363	-	2.401.724.088	-
Công cụ, dụng cụ	409.922.567	-	618.952.500	-
Hàng hóa	445.507.936	-	436.256.559	-
Cộng	3.252.227.866	-	3.456.933.147	-

Nguyên liệu, vật liệu là những vật tư, nhiên liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ là những dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mua về nhưng chưa sử dụng.

Hàng hóa của Công ty là xăng, dầu dự trữ để bán.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8.a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí bảo hiểm	139.409.223	152.993.394
Chi phí thuê văn phòng	174.237.363	73.000.000
Cộng	313.646.586	225.993.394

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	225.993.394	229.531.715
Tăng trong kỳ	303.176.182	198.772.727
Phân bổ trong kỳ	215.522.990	241.443.662
Số dư cuối kỳ	313.646.586	186.860.780

8.b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí sửa chữa tài sản	4.051.847.016	4.062.620.482
Chi phí công cụ dụng cụ	822.476.846	1.083.875.136
Cộng	4.874.323.862	5.146.495.618

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	5.146.495.618	4.995.254.419
Tăng trong kỳ	1.841.880.221	247.087.274
Phân bổ trong kỳ	2.114.051.977	1.913.438.499
Số dư cuối kỳ	<u>4.874.323.862</u>	<u>3.328.903.194</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>P.tiện vận tải truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	541.610.066.858	99.720.081.535	33.590.336.909	2.749.573.642	677.670.058.944
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	57.827.000	57.827.000
Đ/tư XD/CB h/thành	-	-	-	42.206.385	42.206.385
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>541.610.066.858</u>	<u>99.720.081.535</u>	<u>33.590.336.909</u>	<u>2.849.607.027</u>	<u>677.770.092.329</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	302.865.541.663	72.631.931.200	31.082.276.103	2.296.453.775	408.876.202.741
Khấu hao trong kỳ	8.523.863.030	3.041.930.545	317.977.203	130.780.458	12.014.551.236
T/ly, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>311.389.404.693</u>	<u>75.673.861.745</u>	<u>31.400.253.306</u>	<u>2.427.234.233</u>	<u>420.890.753.977</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	238.744.525.195	27.088.150.335	2.508.060.806	453.119.867	268.793.856.203
Số cuối kỳ	<u>230.220.662.165</u>	<u>24.046.219.790</u>	<u>2.190.083.603</u>	<u>422.372.794</u>	<u>256.879.338.352</u>

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2021: 39.179.859.962 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.
- Giá trị còn lại TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	184.609.600	184.609.600
Tăng trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	184.609.600	184.609.600
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	154.044.850	154.044.850
Khấu hao trong kỳ	11.185.841	11.185.841
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	165.230.691	165.230.691
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	30.564.750	30.564.750
Số cuối kỳ	19.378.909	19.378.909

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2021: 101.169.600 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.
- Giá trị còn lại TSCĐ vô hình cuối kỳ chờ thanh lý: 0 đồng

11. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang TSCĐ	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	300.621.012.101	9.519.684.018	42.206.385	203.898.635	309.894.591.099
- Công trình bến số 2 (*)	300.260.133.920	9.450.278.998	-	176.700.000	309.533.712.918
- Công trình nâng cấp bến 120m	339.969.091	-	-	-	339.969.091
- Trụ đèn 30M	-	42.206.385	42.206.385	-	-
- Trụ đèn 15M	-	27.198.635	-	27.198.635	-
- Công trình nhà kho	20.909.090	-	-	-	20.909.090
Chi phí sửa chữa tài sản	4.369.620.707	3.493.848.493	-	1.110.825.765	6.752.643.435
- Sửa chữa bọc đầu cọc BS 1 GD3	4.107.950.133	-	-	-	4.107.950.133
- Sửa chữa bọc đầu cọc BS 1 GD4	84.545.000	2.328.659.091	-	-	2.413.204.091
- Sửa chữa thường xuyên bản mặt cầu dẫn BS 1	177.125.574	54.363.637	-	-	231.489.211
- Chi phí lên đà tàu CM 01	-	947.553.037	-	947.553.037	-
- Xử lý các dải cạn Bến số 1	-	90.545.455	-	90.545.455	-
- Sửa chữa đường nội bộ trong bãi mở rộng	-	72.727.273	-	72.727.273	-
Cộng	304.990.632.808	13.013.532.511	42.206.385	1.314.724.400	316.647.234.534

(*) Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Công trình bến số 2 được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDADT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018 (Xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	5.537.668.863	7.337.781.350
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân (*)	3.180.698.970	3.180.698.970
- Công ty CP 1-5	708.000.000	708.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Phú Gia Nguyên	-	976.600.820
- Các nhà cung cấp khác	1.648.969.893	2.472.481.560
Cộng	<u>5.537.668.863</u>	<u>7.337.781.350</u>

(*) Phải trả Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân theo Hợp đồng thi công xây dựng số 15/2018/HDXD ngày 19/06/2018 về đầu tư xây dựng Công trình bến số 2.

Tại thời điểm 30/06/2021, Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**13a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	213.721.078	134.105.061
- Công ty TNHH MTV Nguyễn Tuấn Hoàng	77.354.555	-
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Việt Phương Huế	63.739.632	-
- DNTN Long Nhung - Phan Thành Lớn	21.211.406	103.137.046
- Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	9.689.603	9.689.603
- Các khách hàng khác	41.725.882	21.278.412
Cộng	<u>213.721.078</u>	<u>134.105.061</u>

13b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	67.872.483.570	67.872.483.570
- Royal Caribbean Cruises Ltd	67.872.483.570	67.872.483.570
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng	<u>67.872.483.570</u>	<u>67.872.483.570</u>

Xem thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN	466.449.042	-	1.704.461.861	466.449.042	1.704.461.861	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.961.634	317.006.538	282.134.218	20.910.686	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.005.563	425.437	425.437	-	2.005.563
Cộng	466.449.042	15.967.197	2.027.893.836	755.008.697	1.725.372.547	2.005.563

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ cung ứng tàu biển cung cấp trực tiếp cho tổ chức nước ngoài hoặc thông qua đại lý tàu biển là 0%; cung cấp cho các tổ chức nội địa là 10%.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.450.101.532	7.711.643.356
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác	72.207.775	23.961.792
- Các khoản điều chỉnh tăng	72.207.775	25.052.068
+ Các khoản chi phí không hợp lý	67.173.255	13.896.558
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	425.437	11.155.510
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	4.609.083	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.090.276)
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	(1.090.276)
Thu nhập chịu thuế	8.522.309.307	7.735.605.148
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.704.461.861	1.547.121.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	-	(464.136.309)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.704.461.861	1.082.984.721

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền lương phải trả	4.505.178.388	10.962.610.171
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	<u>4.505.178.388</u>	<u>10.962.610.171</u>

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	3.268.122.820	2.605.913.926
Chi phí lãi vay phải trả	3.268.122.820	2.605.913.926
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	53.843.720	79.646.534
Cộng	<u>3.321.966.540</u>	<u>2.685.560.460</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	238.764.572	497.699.989
- Công ty TNHH Thực Phẩm An Long Miền Trung	238.764.572	497.699.989
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng	<u>238.764.572</u>	<u>497.699.989</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	51.699.731.687	44.243.128.464
- Lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
- Cổ tức phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	35.014.808.723	27.558.205.500
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	533.947.234	220.772.119
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	90.000.000
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	253.399.866	35.790.195
- Phải trả thù lao quản lý dự án Bến số 2	99.277.484	85.415.265
- Cổ tức phải trả	84.000.858	-
- Phải trả các đối tượng khác	97.269.026	9.566.659
Cộng	<u>52.233.678.921</u>	<u>44.463.900.583</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	11.000.000.000	11.000.000.000	7.154.684.837	7.154.684.837
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	11.000.000.000	11.000.000.000	7.154.684.837	7.154.684.837
Cộng	11.000.000.000	11.000.000.000	7.154.684.837	7.154.684.837

19b. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	182.176.490.609	182.176.490.609	186.021.805.772	186.021.805.772
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	182.176.490.609	182.176.490.609	186.021.805.772	186.021.805.772
Cộng	182.176.490.609	182.176.490.609	186.021.805.772	186.021.805.772

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDADT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018. Hạn mức vay là 268.980.000.000 đồng nhưng không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của Dự án (bao gồm thuế GTGT và chi phí lãi vay trong thời gian thi công), thời hạn vay là 180 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/01/2034). Tại thời điểm ký kết Hợp đồng cho vay, lãi suất được xác định như sau:

- Trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8%/năm;
- Từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24: 8,5%/năm;
- Từ tháng thứ 25 đến hết tháng thứ 96: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công thương Việt nam cộng (+) biên độ 2,5%/năm;
- Từ tháng thứ 97 đến hết tháng thứ 180: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công Thương Việt nam cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sàn lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại thời điểm đó.

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 tại Vịnh Chân Mây, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án, bao gồm tất cả công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 và các tài sản khác đủ điều kiện nhận theo quy định của Bên cho vay. Đồng thời nhận thế chấp bổ sung các tài sản là: Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án và lưu giữ toàn bộ bản chính hồ sơ pháp lý của dự án; các quyền tài sản phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như quyền tài sản đối với các hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

mua/nhập khẩu máy móc thiết bị, quyền thụ hưởng bảo hiểm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật (xem thuyết minh số V.11).

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	-	700.000.000	-	700.000.000
- Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng cầu cảng	-	700.000.000	-	700.000.000
Dự phòng phải trả khác	-	3.550.000.000	-	3.550.000.000
- Dự phòng tiền lương phải trả	-	3.550.000.000	-	3.550.000.000
	-	4.250.000.000	-	4.250.000.000

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.400.925.128	342.754.731	-	1.743.679.859
Quỹ phúc lợi	145.611.416	1.316.189.655	623.600.000	838.201.071
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	397.584.000	397.584.000	-
Cộng	1.546.536.544	2.056.528.386	1.021.184.000	2.581.880.930

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	324.054.150.000	13.991.192.465	25.099.590.542	363.144.933.007
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	6.628.658.635	6.628.658.635
Trích lập các quỹ	-	8.784.856.690	(11.165.262.092)	(2.380.405.402)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(13.934.328.450)	(13.934.328.450)
Số dư cuối kỳ trước	324.054.150.000	22.776.049.155	6.628.658.635	353.458.857.790
Số dư đầu kỳ này	324.054.150.000	22.776.049.155	13.710.189.239	360.540.388.394
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	6.745.639.671	6.745.639.671
Trích lập các quỹ	-	4.113.056.772	(6.169.585.158)	(2.056.528.386)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(7.540.604.081)	(7.540.604.081)
Số dư cuối kỳ này	324.054.150.000	26.889.105.927	6.745.639.672	357.688.895.599

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	98,89%	320.444.250.000	98,89%	320.444.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	3.609.900.000	1,11%	3.609.900.000
Cộng	100,00%	324.054.150.000	100,00%	324.054.150.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	324.054.150.000	324.054.150.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	324.054.150.000	324.054.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.540.604.081	13.934.328.450

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận năm 2020 được thực hiện theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2020 được phân phối trích lập quỹ đầu tư và phát triển 30%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành 12,1% và chi trả cổ tức cho cổ đông 55%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: đồng)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	78.457.427.497	62.945.755.312
Doanh thu bán hàng hóa	9.629.215.528	7.516.314.217
Cộng	<u>88.086.643.025</u>	<u>70.462.069.529</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	56.581.146.335	42.596.196.256
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.448.320.828	6.619.729.691
Cộng	<u>65.029.467.163</u>	<u>49.215.925.947</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	755.652.165	902.202.733
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.090.276
Cộng	<u>755.652.165</u>	<u>903.293.009</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.609.083	-
Cộng	<u>4.609.083</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	381.125.488	333.977.378
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.057.756	48.057.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.281.819	119.236.363
Chi phí bằng tiền khác	319.990.499	263.093.634
Cộng	<u>902.455.562</u>	<u>764.365.131</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	8.825.413.526	7.160.642.578
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.093.974.628	1.324.469.137
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.041.392.847	1.008.767.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	675.165.707	1.385.542.647
Chi phí bằng tiền khác	2.826.464.589	2.788.956.516
Cộng	<u>14.462.411.297</u>	<u>13.668.378.669</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.720.338	-
Các khoản thu nhập khác	5.454.546	6.106.075
Cộng	<u>7.174.884</u>	<u>6.106.075</u>

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền phạt vi phạm hành chính	425.437	11.155.510
Cộng	<u>425.437</u>	<u>11.155.510</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.745.639.671	6.628.658.635
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(816.222.400)	(802.067.695)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(816.222.400)	(802.067.695)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	5.929.417.271	5.826.590.940
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	32.405.415	32.405.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>183</u>	<u>180</u>

(*) Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo tỷ lệ 12,1% lợi nhuận sau thuế (tương đương tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021).

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	32.405.415	32.405.415
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>32.405.415</u>	<u>32.405.415</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.929.417.271	5.826.590.940
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	32.405.415
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	183	180

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.926.038.728	3.391.979.805
Chi phí nhân công	29.344.099.149	22.335.421.144
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.019.118.894	12.121.649.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.634.254.654	8.194.064.853
Chi phí khác	9.846.612.062	10.041.651.356
Cộng	72.770.123.487	56.084.766.869

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các cam kết**

Theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean, Royal Caribbean sẽ được ưu tiên sử dụng bến cập tàu và phải trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc thi công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu của Cảng Chân Mây. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn, thỏa thuận này có thời hạn 10 năm kể từ ngày 26/05/2015.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Ban thư ký Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị	544.490.241	549.213.958
Tiền lương, thưởng	485.554.762	502.964.908
- Dương Bá Hòa	260.277.653	213.098.391
- Trần Văn Phong	208.341.225	180.387.804
- Nguyễn Tiến Đạt	16.935.884	-
- Lê Chí Phai	-	109.478.713
Thù lao	54.000.000	36.000.000
- Huỳnh Văn Toàn	18.000.000	9.000.000
- Trần Văn Phong	-	9.000.000
- Hồ Hoàng Thi	18.000.000	18.000.000
- Nguyễn Tiến Đạt	18.000.000	-
Cổ tức	4.935.479	10.249.050
- Huỳnh Văn Toàn	1.465.984	2.709.000
- Trần Văn Phong	1.930.212	3.566.850
- Lê Chí Phai	-	1.128.750
- Hồ Hoàng Thi	1.539.283	2.844.450
Ban điều hành	1.061.578.037	815.772.558
Tiền lương, thưởng	1.060.234.219	813.289.308
- Huỳnh Văn Toàn	233.526.761	131.374.456
- Nguyễn Thành Công	213.540.915	170.478.713
- Hồ Hoàng Thi	206.048.210	170.478.713
- Ngô Khánh Toàn	204.646.123	170.478.713
- Nguyễn Văn Chương	202.472.210	170.478.713
Cổ tức	1.343.818	2.483.250
- Nguyễn Thành Công	439.795	812.700
- Ngô Khánh Toàn	464.228	857.850
- Nguyễn Văn Chương	439.795	812.700
Ban kiểm soát	283.136.992	205.822.227
Tiền lương, thưởng	270.672.764	186.964.377
- Phan Tuấn Anh	202.472.210	170.478.713
- Lê Thị Hoàng Diệu	61.143.935	8.242.832
- Nguyễn Công Định	7.056.619	8.242.832
Thù lao	12.000.000	18.000.000
- Nguyễn Công Định	12.000.000	18.000.000
Cổ tức	464.228	857.850
- Phan Tuấn Anh	390.929	722.400
- Lê Thị Hoàng Diệu	73.299	135.450
Cộng	1.889.205.270	1.570.808.743

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy là công ty mẹ với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tương ứng 98,89%.

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy		
- Chia cổ tức	7.456.603.223	13.779.102.750

Công nợ với các bên liên quan khác tại ngày 30/06/2021 như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khác	51.699.731.687	44.243.128.464
Phải trả lãi vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
Phải trả cổ tức Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	35.014.808.723	27.558.205.500

3. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là dịch vụ, hàng hóa cung ứng cho các tàu biển.

	Dịch vụ cung ứng tàu biển	Xăng dầu	Dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	79.253.752.807	8.225.286.838	607.603.380	-	88.086.643.025
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.253.752.807	8.225.286.838	607.603.380	-	88.086.643.025
Giá vốn bộ phận	57.366.839.572	7.624.210.535	38.417.056	-	65.029.467.163
Lợi nhuận gộp bộ phận	21.886.913.235	601.076.303	569.186.324	-	23.057.175.862
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	63.690.117.792	6.255.206.074	516.745.663	-	70.462.069.529
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.690.117.792	6.255.206.074	516.745.663	-	70.462.069.529
Giá vốn bộ phận	43.230.862.675	5.924.016.528	61.046.744	-	49.215.925.947
Lợi nhuận gộp bộ phận	20.459.255.117	331.189.546	455.698.919	-	21.246.143.582

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do có sự thay đổi về phân phối các Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-NQ/ĐH ngày 23 tháng 04 năm 2021 so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm trước đã kiểm toán	Số liệu năm trước xác định lại	Chênh lệch
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	185	180	(5)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	185	180	(5)

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thừa Thiên-Huế, ngày 13 tháng 8 năm 2021



BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu



NGÔ KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng



HUỶNH VĂN TOÀN
Tổng Giám đốc



